



Số và ký hiệu: 48-CTr/TU
Ký bởi: Ủy viên Ủy ban
Thời gian: 28/09/2026 15:20:27

TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*
Số 48 -CTr/TU

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 9 năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 28/8/2026 của Bộ Chính trị
về phát triển các vùng và tổ chức không gian phát triển quốc gia
trong giai đoạn mới

Thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 28/8/2026 của Bộ Chính trị về phát triển các vùng và tổ chức không gian phát triển quốc gia trong giai đoạn mới (sau đây gọi là *Nghị quyết 27-NQ/TW*), Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình thực hiện như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt sâu sắc, tạo sự thống nhất cao về nhận thức và chuyển biến mạnh mẽ trong tư duy, hành động của cả hệ thống chính trị và Nhân dân trong tỉnh về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển các vùng và tổ chức không gian phát triển quốc gia trong giai đoạn mới theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW của Bộ chính trị, gắn với kiến tạo, dẫn dắt, khơi thông và kích hoạt mọi nguồn lực, đổi mới mạnh mẽ mô hình phát triển, mô hình tăng trưởng, trọng tâm là phát triển vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, đồng thời khẳng định vai trò, vị trí, chức năng, lợi thế, bản sắc và sứ mệnh phát triển của Lâm Đồng trong tổng thể phát triển vùng.

2. Cụ thể hóa kịp thời, đầy đủ, đồng bộ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 27-NQ/TW, bảo đảm phát triển nhanh, bền vững, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới, gắn kết chặt chẽ với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, các nghị quyết của Trung ương, quy hoạch vùng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, các nghị quyết, kế hoạch, chương trình của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

3. Xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm; phân công rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp thực hiện theo tinh thần “6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền”; bảo đảm nguồn lực, tính khả thi để triển khai, gắn với trách nhiệm người đứng đầu; thường xuyên kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện, góp phần hoàn thành thắng lợi các mục tiêu của tỉnh và của Nghị quyết số 27-NQ/TW đã đề ra.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Đến năm 2030, Lâm Đồng trở thành tỉnh phát triển khá của cả nước, là một cực tăng trưởng phía Nam của vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Xác lập mô hình tăng trưởng mới dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và dữ liệu; hình thành và phát triển các cụm ngành và chuỗi giá trị mũi nhọn trong các lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản, nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến, chế tạo, dịch vụ logistics - cảng biển, đô thị thông minh; trung tâm du lịch, trung tâm rau, hoa công nghệ cao và nông sản. Phát triển không gian kinh tế gắn kết chặt chẽ giữa cao nguyên, trung du và duyên hải, bảo vệ bền vững hệ sinh thái rừng, biển, củng cố quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

2. Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

Trên cơ sở các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030 của vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên tại Phụ lục 01 kèm theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Bộ Chính trị, các chỉ tiêu cụ thể của tỉnh Lâm Đồng được thể hiện tại Phụ lục 1 kèm theo Chương trình này.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Tỉnh Lâm Đồng trở thành tỉnh phát triển của cả nước, là trung tâm phát triển năng động và bền vững của vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, có trình độ phát triển kinh tế cao, cơ cấu kinh tế hiện đại và khả năng cạnh tranh quốc tế. Hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, kết nối thông suốt Bắc - Nam và Đông - Tây, giữ vai trò quan trọng trong mạng lưới liên kết phát triển giữa Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; môi trường, hệ sinh thái biển, rừng và nguồn nước được bảo vệ bền vững; bản sắc văn hóa các dân tộc được giữ gìn, phát huy; quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc; người dân có cuộc sống ấm no, văn minh, hạnh phúc.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Tổ chức không gian phát triển vùng và thực hiện tốt quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh

Triển khai thực hiện có hiệu quả Quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh) và các quy hoạch đô thị, nông thôn; đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất giữa các quy hoạch trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức không gian phát triển của tỉnh Lâm Đồng theo cấu trúc “*cao nguyên - trung du - duyên hải*”, gắn kết chặt chẽ giữa biển, cao nguyên và biên giới, bảo đảm khai thác hiệu quả lợi thế so sánh của tỉnh; đồng thời, mở rộng không gian phát triển

ra biển thông qua các định hướng đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông kết nối, khai thác hợp lý quỹ đất ven biển, phát triển đô thị ven biển và lấn biển tại các khu vực có điều kiện phù hợp.

Xây dựng và thực hiện đồng bộ cơ chế liên kết trong tổ chức không gian phát triển, quy hoạch, đầu tư hạ tầng, phát triển đô thị, công nghiệp, du lịch, logistics, nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo và dịch vụ chất lượng cao; bảo đảm liên kết vùng, liên kết ngành, tiểu vùng, gắn kết chặt chẽ giữa các khu vực trong tỉnh và giữa tỉnh Lâm Đồng với các địa phương lân cận, tạo lập các hành lang phát triển, chuỗi giá trị và cực tăng trưởng mới.

Ưu tiên bố trí, huy động hiệu quả các nguồn lực để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, đột phá, các dự án liên vùng, ưu tiên đầu tư được xác định trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh để Lâm Đồng sớm góp phần trở thành cực tăng trưởng phía Nam của vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Rà soát, nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển tỉnh Lâm Đồng gắn với các chức năng trong tổng thể phát triển vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Đầu tư phát triển 06 hành lang kinh tế theo quy hoạch tỉnh, trọng tâm là hành lang kinh tế Bắc - Nam và hành lang Đông - Tây trung tâm, nhằm tối ưu hóa không gian phát triển, tạo thành các trục kết nối giao thông và không gian kinh tế xuyên suốt, kết nối các trung tâm kinh tế, đô thị và cảng biển. Tiếp tục đầu tư 07 khu vực động lực phát triển của tỉnh theo hướng tập trung, có tính lan tỏa, gắn với các cực tăng trưởng, hành lang kinh tế quan trọng và trung tâm hành chính - chính trị mới của tỉnh, bảo đảm liên kết nội tỉnh và liên vùng. Tăng cường liên kết các địa phương trong khai thác không gian biển; tổ chức triển khai hiệu quả Nghị quyết 20-NQ/TW về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh.

2. Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển vùng

Chủ động phối hợp với các tỉnh, thành phố trong vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Hội đồng điều phối vùng nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù của vùng và triển khai thực chất, hiệu quả cơ chế liên kết, điều phối vùng, nhất là đối với các công trình liên vùng, theo nguyên tắc các địa phương cùng quyết định, cùng góp vốn, cùng chịu trách nhiệm và cùng hưởng lợi, không phát sinh khâu trung gian.

Tổ chức triển khai hiệu quả các chủ trương, nghị quyết của Trung ương về liên kết vùng, phát triển vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, vùng Đông Nam Bộ; cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch hợp tác của Lâm Đồng với các địa phương trong và ngoài vùng, bảo đảm phát huy vai trò cầu nối cao nguyên, ven biển và vùng động lực phía Nam. Đẩy mạnh hợp tác phát triển với Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Đồng Nai, các tỉnh Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung Bộ và mở rộng hợp tác với các địa phương, đối tác quốc tế trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi, đúng quy định pháp luật.

Tăng cường liên kết, phối hợp đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng liên tỉnh, liên vùng, nhất là các công trình giao thông chiến lược, cảng biển, cảng hàng không, logistics, hạ tầng số, hạ tầng năng lượng và các công trình có tính lan tỏa cao, tạo điều kiện kết nối hiệu quả giữa các trung tâm đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch và các vùng sản xuất lớn của tỉnh. Ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông kết nối để đón nhận động lực tăng trưởng lan tỏa từ các cơ chế đặc thù của Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Đồng Nai.

3. Đổi mới mô hình tăng trưởng, hình thành và phát triển các động lực kinh tế mới của vùng

Xác lập mô hình tăng trưởng mới dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và dữ liệu; hình thành, phát triển các cụm ngành, chuỗi giá trị mũi nhọn trong các lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản, nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến, chế tạo, dịch vụ logistics - cảng biển, đô thị thông minh; từng bước xây dựng, phát triển tỉnh trở thành vùng động lực của vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Phát triển nông, lâm, thủy sản theo hướng toàn diện, hiện đại, sinh thái và bền vững; khẳng định vị thế trung tâm rau, hoa công nghệ cao và nông sản ôn đới của vùng và cả nước, trung tâm nông nghiệp công nghệ cao quốc gia. Phát triển, tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị, phát triển nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn, thông minh, thích ứng biến đổi khí hậu, hình thành vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, chất lượng cao gắn với chế biến sâu và xuất khẩu; nâng cao thu nhập người dân gắn với xây dựng nông thôn mới hiện đại. Nâng cao giá trị và năng lực cạnh tranh các sản phẩm chủ lực như nông, lâm, thủy sản chế biến, sản phẩm OCOP.

Phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, dựa trên nền tảng công nghiệp chế biến sâu, công nghệ cao, trở thành ngành kinh tế động lực, đóng vai trò dẫn dắt tăng trưởng của tỉnh, với trọng tâm là công nghiệp chế biến, chế tạo và năng lượng tái tạo. Hình thành các cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị công nghiệp. Tổ chức không gian công nghiệp theo các trục kết nối ven biển, cao nguyên - duyên hải gắn với cửa khẩu, hệ thống logistics, cảng biển, sân bay, các khu công nghiệp, khu kinh tế trọng điểm và các hành lang kinh tế liên vùng. Đến năm 2030, hình thành và phát triển 35 khu công nghiệp và 74 cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Từng bước xây dựng Lâm Đồng trở thành trung tâm công nghiệp bô-xít - nhôm và trung tâm chế biến sâu titan của quốc gia, có năng lực cạnh tranh khu vực và quốc tế. Đẩy mạnh phát triển điện gió, điện mặt trời (trên đất và trên mặt hồ), thủy điện, thủy điện tích năng, điện khí LNG; nghiên cứu năng lượng nguyên tử mô-đun nhỏ (SMR) ở khu vực không có lưới điện quốc gia với quy mô phù hợp; phân đầu xây dựng Lâm Đồng trở thành trung tâm năng lượng của quốc gia.

Phát triển thương mại theo hướng hiện đại, hội nhập, gắn với chuyển đổi số và thương mại điện tử; tăng cường liên kết với các tỉnh trong vùng duyên hải Nam

Trung Bộ và Tây Nguyên, vùng Đông Nam Bộ, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành Phố Đồng Nai và các nước ASEAN, từng bước đưa Lâm Đồng trở thành trung tâm phân phối nông sản, thủy, hải sản sau chế biến và các mặt hàng có thể mạnh khác cho các tỉnh, thành phố trong cả nước và xuất khẩu.

Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, theo hướng chất lượng cao, bền vững, hội nhập quốc tế; khai thác hiệu quả lợi thế tổng hợp “*biển - cao nguyên - sinh thái - công viên địa chất*”. Phát triển đồng bộ, bền vững du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, văn hóa gắn với bảo tồn, phát huy giá trị, bản sắc văn hóa các dân tộc Tây Nguyên; xây dựng Lâm Đồng trở thành trung tâm du lịch đặc sắc của quốc gia và khu vực. Tổ chức không gian du lịch hình thành các cụm và hành lang du lịch liên hoàn, trong đó: (i) Khu vực Đà Lạt và vùng phụ cận là trung tâm du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, du lịch tâm linh, chăm sóc sức khỏe và MICE chất lượng cao; (ii) Khu vực Gia Nghĩa - Tà Đùng phát triển du lịch cộng đồng, sinh thái, địa chất, thám hiểm; (iii) Khu vực ven biển Hòa Thắng - Phan Thiết - Mũi Né - La Gi - Phú Quý phát triển du lịch biển, thể thao, chăm sóc sức khỏe và nghỉ dưỡng cao cấp. Phát triển kinh tế đêm, kinh tế bạc. Hình thành các sản phẩm đặc thù như “*hành trình biển - cao nguyên*”, du lịch địa chất UNESCO và du lịch đảo Phú Quý.

Phát triển mạnh kinh tế biển theo hướng hiện đại, xanh, thông minh, tuần hoàn và phát thải thấp, gắn với quản lý tổng hợp, sản xuất giống, nuôi biển công nghệ cao, bảo tồn hệ sinh thái biển, củng cố quốc phòng, an ninh biển đảo; xây dựng được nền tảng cơ bản để phát triển Lâm Đồng trở thành tỉnh mạnh về biển của vùng. Tổ chức không gian phát triển kinh tế biển phù hợp với điều kiện, tiềm năng, lợi thế của từng khu vực ven biển, hải đảo, gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo; hình thành đề án thành lập Khu kinh tế đặc biệt tỉnh theo mô hình tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực, có trọng tâm, trọng điểm để tạo động lực tăng trưởng, đẩy mạnh phát triển kinh tế biển và thu hút đầu tư.

Tiếp tục đổi mới tư duy phát triển từ chủ yếu dựa vào nguồn lực sẵn có như đất đai, khoáng sản, ngân sách nhà nước sang tư duy kiến tạo, dẫn dắt và khơi thông, kích hoạt nguồn lực toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác chuẩn bị dự án đầu tư công, gắn với đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội và hạch toán kinh tế. Tập trung đầu tư công theo quy hoạch và khả năng cân đối nguồn lực, phục vụ tốt nhất các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn trong giai đoạn 2026 - 2030; ưu tiên bố trí cho các dự án, công trình thiết yếu, liên vùng, liên xã, hạ tầng công ích, hạ tầng xã hội thiết yếu, vùng khó khăn, góp phần dẫn dắt, lan toả, tạo điều kiện để khu vực tư nhân phát triển mạnh mẽ, trở thành một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế tỉnh nhà.

4. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, đồng bộ, liên vùng

Tập trung nguồn lực phát triển các hạ tầng chiến lược, hạ tầng số, hạ tầng công nghệ, hạ tầng phục vụ chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng để trở thành động

lực then chốt giúp đột phá kinh tế, mở rộng không gian phát triển và khơi thông các nguồn lực. Các loại hình hạ tầng phải được tổ chức thống nhất theo hành lang kinh tế và không gian phát triển vùng; gắn việc phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội thích ứng với biến đổi khí hậu, đồng bộ với hạ tầng y tế, văn hoá, giáo dục, thể thao.

Phát triển mạng lưới hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, đa phương thức, bảo đảm kết nối chặt chẽ giữa các vùng cao nguyên, duyên hải và khu vực biên giới, hệ thống giao thông quốc gia, các hành lang kinh tế liên vùng và cửa khẩu quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Tập trung hình thành các trục giao thông động lực theo hướng Đông - Tây (kết nối ven biển - tây nguyên - biên giới), Bắc - Nam làm trục xuyên suốt; hình thành các trung tâm logistics, kho lạnh, kho trung chuyển phục vụ sản xuất, tiêu thụ và xuất khẩu nông sản, hàng hóa; phát triển cảng cạn tại các khu vực có điều kiện thuận lợi về giao thông và kết nối liên vùng.

Tập trung kêu gọi, thu hút, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, khơi thông, kích hoạt các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển, trong đó ưu tiên các hình thức đầu tư tư nhân, hợp tác công tư (PPP). Tập trung nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án hạ tầng chiến lược trên địa bàn tỉnh và kết nối liên vùng, trọng tâm là cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc, Bảo Lộc - Liên Khương, cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa - Chơn Thành; đề xuất đầu tư dự án cao tốc Phan Thiết - Bu Prăng đoạn Phan Thiết - Bảo Lộc. Phối hợp cơ quan có thẩm quyền triển khai cao tốc Nha Trang - Liên Khương, cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Buôn Ma Thuột - Gia Nghĩa; nâng cấp các quốc lộ trọng yếu (QL.1, 14C, 20, 27, 28, 55, Đường Hồ Chí Minh); đầu tư, đưa vào khai thác Cảng hàng không Phan Thiết. Tập trung giải phóng mặt bằng, bố trí tái định cư để triển khai thực hiện dự án đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam đi qua địa bàn tỉnh. Nghiên cứu phát triển và nâng cấp Cửa khẩu Đăk Puer thành cửa khẩu quốc tế nhằm mở rộng giao thương hàng hóa và du lịch.

Phát triển hệ thống thủy lợi đồng bộ, hiện đại, đa mục tiêu, bảo đảm cấp nước, tiêu thoát nước phục vụ dân sinh, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ. Khai thác hiệu quả hệ thống hồ chứa, đập dâng; ưu tiên xây dựng mới và nâng cấp các công trình thủy lợi trọng điểm, đặc biệt tại các khu vực thường xuyên thiếu nước, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng ven biển. Tăng cường năng lực tiêu thoát nước cho đô thị, khu dân cư và vùng sản xuất; kết hợp chỉnh trị sông suối, bảo vệ hành lang thoát lũ, phòng chống ngập úng, sạt lở, hạn hán, xâm nhập mặn.

5. Phát triển hệ thống đô thị hiện đại và các cực tăng trưởng của vùng

Phát triển hệ thống đô thị của tỉnh theo mô hình đa trung tâm, gắn với các cực tăng trưởng, hành lang kinh tế và đầu mối giao thông quan trọng, từng bước hình thành các cực tăng trưởng gắn với mở rộng không gian phát triển ra biển, các hành lang kinh tế - đô thị, các đơn vị hành chính cấp xã mang tính hạt nhân và các không gian phát triển tập trung; trong đó, phát triển đô thị Đà Lạt sớm trở thành trung tâm

tổng hợp và chuyên ngành cấp vùng. Phát triển các đô thị theo hướng xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, bảo đảm kết nối hiệu quả giữa các đô thị trong tỉnh và liên kết trong vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, vùng Đông Nam Bộ; nâng loại đô thị. Ưu tiên phát triển đô thị gắn với trung tâm hành chính - chính trị của tỉnh; phát triển khu vực Đà Lạt - Đức Trọng trở thành đô thị sinh thái - sáng tạo, trung tâm R&D, du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, trung tâm giáo dục - y tế vùng theo quy hoạch vùng.

Chủ động chuẩn bị quỹ đất, quỹ không gian cho phát triển vận tải công cộng khối lượng lớn trong tương lai, gắn với tổ chức hệ thống giao thông công cộng đa phương thức và định hướng phát triển đô thị theo mô hình TOD, nhất là tại các đô thị Đà Lạt, Đức Trọng, Bảo Lộc, Phan Thiết. Phát triển các khu đô thị theo mô hình TOD tại các ga đường sắt tốc độ cao, hành lang khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, các trung tâm thương mại, dịch vụ theo hướng đa trung tâm và điểm kết nối giao thông liên vùng, nhằm tạo động lực lan tỏa và tăng cường hiệu quả khai thác quỹ đất đô thị. Phát triển chuỗi đô thị ven biển gắn với phát triển các trung tâm du lịch biển, cảng biển, khu kinh tế, khu công nghiệp trên trục ven biển.

6. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Xây dựng cơ chế, chính sách, đề án về thu hút, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo nghề và giải quyết việc làm, điều kiện làm việc và môi trường sống nhằm thu hút, giữ chân người lao động làm việc lâu dài tại tỉnh; phát triển nguồn nhân lực tại chỗ, nhất là khu vực khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Chuẩn bị nhân lực cho khoa học dữ liệu, an ninh mạng, logistics, công nghệ sinh học, năng lượng mới, hydrogen xanh,...

Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, đào tạo nguồn nhân lực gắn với nhu cầu thị trường lao động và định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh; tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp; đẩy mạnh đào tạo kỹ năng nghề, kỹ năng số, ngoại ngữ, nâng cao năng suất lao động và khả năng thích ứng với chuyển đổi số. Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu nhân lực của tỉnh.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, trong đó ưu tiên tập trung vào ngành, lĩnh vực có lợi thế của tỉnh về năng lượng, công nghiệp khai khoáng chế biến sâu bô-xít, titan, dịch vụ du lịch, nông nghiệp. Phát triển hạ tầng số, nhất là hạ tầng dữ liệu, nền tảng số dùng chung và ứng dụng công nghệ mới (trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, blockchain...); khẩn trương hoàn thành Hệ thống cơ sở dữ liệu không gian địa lý dùng chung tỉnh Lâm Đồng; phát triển Cổng dữ liệu mở; phát triển các trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và hệ sinh thái khởi nghiệp; đẩy nhanh tiến độ hình thành Khu công nghệ cao tỉnh; thúc đẩy đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp, phát triển doanh nghiệp khoa học và công

nghệ, doanh nghiệp công nghệ số, tạo nền tảng nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh.

7. Phát triển văn hóa, xã hội và bảo đảm an sinh xã hội toàn diện

Giữ gìn và phát huy nền văn hóa tỉnh Lâm Đồng theo định hướng đặc sắc và đa dạng sắc màu văn hóa; xây dựng văn hóa người Lâm Đồng đảm bảo thống nhất trong đa dạng. Phát triển hệ thống thiết chế văn hóa các cấp theo hướng đạt chuẩn, phù hợp không gian văn hóa từng khu vực, gắn bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích, di sản với phát triển du lịch bền vững và công nghiệp văn hóa. Đẩy mạnh số hóa, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, khai thác và quảng bá văn hóa. Phát triển công nghiệp văn hóa trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh gắn với phát huy giá trị văn hóa, di sản và danh hiệu của Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông, Đà Lạt - Thành phố sáng tạo UNESCO trong lĩnh vực Âm nhạc, Không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên. Ưu tiên phát triển du lịch văn hóa, nghệ thuật, không gian sáng tạo và du lịch chất lượng cao; phấn đấu hình thành các thương hiệu quốc gia về công nghiệp văn hóa trong các lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn, lễ hội và du lịch văn hóa.

Tập trung hoàn thiện, nâng cao năng lực hệ thống y tế của tỉnh, đặc biệt là y tế dự phòng, y tế cơ sở và phát huy hiệu quả thế mạnh của y học cổ truyền theo hướng đồng bộ, hiện đại, gắn với điều kiện đặc thù của tỉnh, lấy người dân làm trung tâm; hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe và bảo hiểm y tế toàn dân, bảo đảm công bằng trong chăm sóc sức khỏe người dân. Phát triển một số cơ sở y tế chuyên sâu, kỹ thuật cao, từng bước hình thành trung tâm y tế - phục hồi sức khỏe chuyên sâu gắn với khí hậu đặc thù cao nguyên, phục vụ nhu cầu điều trị, nghỉ dưỡng và chăm sóc dài ngày cho người dân trong vùng và du khách quốc tế; đầu tư, hiện đại hóa Bệnh viện chuyên khoa phục hồi chức năng của tỉnh để đảm nhận chức năng vùng. Tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế tham gia cung ứng dịch vụ y tế công bằng, hiệu quả; khuyến khích phát triển các bệnh viện tư nhân có quy mô lớn, trình độ kỹ thuật chuyên sâu, ngang tầm với các tỉnh phát triển.

Thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia trong giai đoạn 2026 - 2030. Tổ chức thực hiện hệ thống an sinh xã hội theo hướng toàn diện, bao trùm, lấy con người làm trung tâm; bảo đảm công bằng trong tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, thu hẹp chênh lệch giữa các vùng, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn. Phát triển nhà ở xã hội, hệ thống cơ sở trợ giúp xã hội bảo đảm đủ năng lực, quy mô; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách trợ giúp xã hội, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; nâng cao mức hưởng và chất lượng dịch vụ an sinh phù hợp với trình độ phát triển của tỉnh.

8. Bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu

Tăng cường kiểm soát nguồn thải, áp dụng các yêu cầu bảo vệ môi trường phù hợp với từng vùng; kiểm soát chặt chẽ hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, dịch

vụ có nguy cơ gây ô nhiễm đối với vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải; bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ hệ sinh thái, nguồn nước, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa và sức khỏe cộng đồng. Tăng cường thu hút đầu tư các dự án xử lý rác thải, nhất là tại các đô thị Đà Lạt, Phan Thiết.

Chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời và khắc phục hiệu quả hậu quả thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao khả năng chống chịu của hệ thống kết cấu hạ tầng, cộng đồng dân cư và các ngành kinh tế. Tăng cường quan trắc, dự báo, cảnh báo sớm; rà soát, phân vùng rủi ro thiên tai; sắp xếp, di dời dân cư khỏi khu vực có nguy cơ cao; đồng thời, triển khai các giải pháp bảo vệ, tích trữ nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm, chuyển đổi cơ cấu sản xuất phù hợp với điều kiện khí hậu và nguồn nước của từng vùng.

Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, khoáng sản, nhất là tài nguyên biển gắn với bảo vệ nguồn nước. Phối hợp chặt chẽ với các địa phương lân cận trong huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhằm bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu theo hướng đồng bộ, chủ động và chia sẻ trách nhiệm, ưu tiên xử lý các vấn đề có tính liên vùng. Đẩy mạnh quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững, đặc biệt là rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển góp phần giảm rủi ro thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái.

Quản lý, bảo vệ, thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản phù hợp với quy hoạch khoáng sản quốc gia được phê duyệt, các khu vực cấm hoạt động khoáng sản theo quy định, bảo đảm khai thác hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, gắn với bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, đa dạng sinh học, quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững.

9. Tăng cường quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế

Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc; bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, biên giới và không gian biển.

Tổ chức xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc; bố trí không gian các khu vực chiến lược, công trình quốc phòng, công trình lưỡng dụng phù hợp với quy hoạch phát triển; bảo đảm khả năng huy động, chuyển đổi phục vụ nhiệm vụ quốc phòng khi cần thiết. Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu, chủ động ứng phó hiệu quả các tình huống quốc phòng - an ninh. Xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng, các công trình lưỡng dụng, các hải đoàn mạnh vừa làm kinh tế, hỗ trợ ngư dân, vừa bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển, đảo; đường tuần tra, các chốt dân quân thường trực trên tuyến biên giới. Tiếp tục phối hợp với các cấp thẩm quyền về việc phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền và tiến hành phân định biên giới trên biển.

Chủ động nắm tình hình, dự báo, tham mưu bảo vệ an ninh quốc gia trên lĩnh vực an ninh kinh tế, an ninh mạng, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm, vi phạm pháp luật, bảo đảm an ninh, an toàn các dự án, công trình trọng điểm, hoạt động đầu tư, thương mại và hội nhập quốc tế; không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống, không để hình thành “điểm nóng” về an ninh, trật tự.

Tiếp tục tăng cường hợp tác quốc tế gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, chủ quyền lãnh thổ, biên giới và vùng biển; thúc đẩy quan hệ hữu nghị, hợp tác với tỉnh Mondulkiri, Campuchia; phối hợp triển khai các hoạt động phát triển kinh tế, giao lưu Nhân dân và xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Đồng thời, nâng cao hiệu quả công tác thông tin đối ngoại, tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân và doanh nghiệp về hội nhập quốc tế, góp phần tạo sự đồng thuận xã hội và phát huy sức mạnh tổng hợp trong tiến trình hội nhập của tỉnh.

Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, mở rộng hợp tác, quảng bá sản phẩm chủ lực, đặc trưng của tỉnh với các địa phương, đối tác quốc tế; huy động hiệu quả nguồn lực đầu tư, phát triển hạ tầng, kỹ thuật. Khai thác, triển khai hiệu quả các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA) phù hợp thể mạnh của tỉnh để mở rộng thị trường, thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tăng cường bảo đảm an ninh kinh tế. Chủ động đẩy mạnh hợp tác với các đối tác có trình độ cao về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thực hiện hiệu quả các cam kết song phương và đa phương về phát triển kết cấu hạ tầng.

10. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp phù hợp với đặc điểm từng vùng và đặc thù các khu vực của tỉnh; tăng cường phân cấp, phân quyền cho cấp xã theo phương châm “*địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm*”; bảo đảm bộ máy hành chính sát dân, hoạt động nhanh gọn và đúng nhu cầu thực tế của từng khu vực trên địa bàn tỉnh.

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ các cấp đủ đức, đủ sức, đủ tài, có năng lực quản lý, điều hành, kỹ năng thực thi công vụ, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, trong đó chú trọng tiêu chuẩn hóa, trẻ hóa, chuyên môn hóa.

Tổ chức có hiệu quả các chương trình kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Trung ương, các nghị quyết, kế hoạch, chương trình của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cơ chế, chính sách của cơ quan nhà nước theo quy định pháp luật; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu,

tiêu cực; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và toàn hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, thúc đẩy chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước để nâng cao chất lượng quản lý và phục vụ người dân, doanh nghiệp; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo hiệu quả công tác của các tổ chức đảng và cả hệ thống chính trị. Tổ chức đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ, sản phẩm công việc và KPI đã được phê duyệt. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành các nhiệm vụ, bảo đảm đúng yêu cầu 6 rõ: “*rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền*” và nguyên tắc “*một việc - một đầu mối chịu trách nhiệm chính*”.

Đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, nhất là hoạt động giám sát, phản biện xã hội; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển tỉnh Lâm Đồng trong tổng thể phát triển vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

(Danh mục các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm tại Phụ lục 2 kèm theo Chương trình này).

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, các đoàn thể và đảng ủy trực thuộc tổ chức quán triệt, phổ biến Nghị quyết số 27-NQ/TW và Chương trình này đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân; xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để thực hiện với các nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình gắn với phân công cụ thể trách nhiệm của từng tập thể, cá nhân, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thực tiễn của từng cơ quan, đơn vị, địa phương, **hoàn thành trong tháng 10/2026**; định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện.

2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết số 27-NQ/TW và Chương trình này đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân; chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh tăng cường tuyên truyền nội dung và kết quả thực hiện; tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức hội nghị quán triệt, học tập Nghị quyết số 27-NQ/TW và Chương trình này đến đội ngũ cán bộ chủ chốt toàn tỉnh **trong tháng 9/2026**.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, hướng dẫn, vận động hội viên, đoàn viên, Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp hưởng ứng các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ của Nghị quyết số 27-NQ/TW và Chương trình này; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách về tổ chức không gian phát triển của vùng, của tỉnh trong giai đoạn mới.

4. Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW và Chương trình này trên địa bàn tỉnh.

5. Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW và Chương trình này; bố trí, huy động nguồn lực tương ứng để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu; chủ trì, phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy và các đảng ủy trực thuộc thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và định kỳ tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo Bộ Chính trị kết quả thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW theo quy định.

Chương trình này phổ biến đến các chi bộ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
 - Đảng ủy Chính phủ;
 - Ban Chính sách, chiến lược Trung ương;
 - Văn phòng Trung ương Đảng;
 - Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
 - Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
 - Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
 - MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành;
 - Báo và PTTH Lâm Đồng;
 - Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, TH.
- (báo cáo)





Phụ lục 1
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Chương trình số 48 - CT/TV ngày 28/9/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	Chỉ tiêu	Đến năm 2030
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân/năm (%)	10 - 10,55
2	GRDP bình quân đầu người (USD)	6.700 - 7.500
3	Tỉ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản (%)	28,5 - 29,0
4	Tỉ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng (%)	32,0 - 33,0
5	Tỉ trọng khu vực dịch vụ (%)	39,0 - 40,0
6	Tỉ trọng thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm (%)	7
7	Tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP (%)	7,5
8	Tỉ trọng giá trị gia tăng của kinh tế số trong GRDP (%)	8 - 10
9	Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng (%)	> 55
10	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm (%)	6,5 - 7,5
11	Tỉ lệ đô thị hóa (%)	> 50
12	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh (tuổi)	75,5
13	Thời gian sống khỏe (năm)	68
14	Tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (%)	35 - 40
15	Giảm tỉ lệ nghèo đa chiều (theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030) (%)	Đến 2030 cơ bản không còn hộ nghèo
16	Số bác sĩ/vạn dân (người)	11
17	Tỉ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe hằng năm (%)	100
18	Tỉ lệ bao phủ bảo hiểm y tế (%)	> 95
19	Chỉ số phát triển con người (HDI)	0,75
20	Tỉ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (%)	100
21	Tỉ lệ che phủ rừng (%)	> 46,2
22	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới (trong đó hiện đại) (xã)	≥ 42 (02)



Phụ lục 2

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM
TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 27-NQ/TW TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG**

(Kèm theo Chương trình số 42-CT/TU ngày 28/9/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Nhiệm vụ, giải pháp, dự án trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/ sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
I	Tổ chức không gian phát triển vùng và thực hiện tốt quy hoạch vùng và tổ chức không gian phát triển						
1	Tổ chức triển khai có hiệu quả Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh)	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy: Sở Tài chính, các Sở ngành, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030	Văn bản, chương trình, các dự án theo quy hoạch	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
2	Bố trí nguồn lực phát triển theo 06 hành lang kinh tế, 07 khu vực động lực theo điều chỉnh quy hoạch tỉnh để tối ưu hóa không gian phát triển, tạo thành các trục kết nối giao thông và không gian kinh tế xuyên suốt, kết nối các trung tâm kinh tế, đô thị và cảng biển	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy: Sở Tài chính, các Sở ngành, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030	Văn bản, chương trình, các dự án theo quy hoạch	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
II	Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển vùng						
3	Phối hợp với Hội đồng điều phối vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên xây dựng các cơ chế chia sẻ nguồn lực, lợi ích giữa vùng, địa phương theo nguyên tắc cùng phát triển	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy: Sở Tài chính, các Sở ngành, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030	Báo cáo/Văn bản	NSNN và nguồn hợp pháp khác	

STT	Nhiệm vụ, giải pháp, dự án trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/ sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
4	Phối hợp Hội đồng điều phối vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên rà soát các cơ chế chính sách đặc thù đối với vùng, địa phương để đề xuất sửa đổi, bổ sung phù hợp	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy: Sở Tài chính, các Sở ngành, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030	Báo cáo/Văn bản	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
5	Kế hoạch triển khai Đề án nghiên cứu mô hình tăng trưởng kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Tài chính, các sở ngành, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2027	Kế hoạch	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
6	Đề án thành lập Khu kinh tế đặc biệt	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, các đơn vị liên quan	Quý I/2027	Đề án	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
7	Đề xuất các cơ chế chính sách đặc thù đối với vùng, địa phương về lĩnh vực giao thông, logistics	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Xây dựng	Giai đoạn 2026 - 2030	Cơ chế chính sách	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
8	Đề xuất các cơ chế chính sách đặc thù đối với vùng, địa phương về lĩnh vực du lịch	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Giai đoạn 2026 - 2030	Cơ chế chính sách	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
9	Đề xuất các cơ chế chính sách đặc thù đối với vùng, địa phương về lĩnh vực bảo vệ môi trường và phát triển chuỗi sản phẩm liên vùng	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường	Giai đoạn 2026 - 2030	Cơ chế chính sách	NSNN và nguồn hợp pháp khác	

STT	Nhiệm vụ, giải pháp, dự án trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/ sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
10	Đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển ngành công nghiệp bô-xít - nhôm - nhôm trên địa bàn tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Công Thương	Giai đoạn 2026 - 2030	Cơ chế chính sách	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
III	Đổi mới mô hình tăng trưởng, hình thành và phát triển các động lực kinh tế mới của vùng						
11	Thí điểm các mô hình mới về văn hóa số, sáng tạo nội dung số, nghệ thuật số, du lịch di sản thông minh, kinh tế đêm, không gian sáng tạo	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các cơ quan liên quan	Giai đoạn 2026 - 2028	Mô hình	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
12	Nghị quyết của Tỉnh ủy về huy động các nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đến năm 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Tài chính, các sở, ngành, địa phương liên quan	Quý III/2026	Nghị quyết	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
13	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển hệ thống Logistics	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Công Thương, các cơ quan liên quan	Giai đoạn 2026 - 2035	Kế hoạch	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
14	Đề án thành lập Khu công nghệ cao tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị liên quan	Quý IV/2026	Quyết định	NSNN và nguồn hợp pháp khác	

STT	Nhiệm vụ, giải pháp, dự án trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/ sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
15	Đề án phát triển các vùng sản xuất chuyên canh tập trung, ứng dụng công nghệ cao, sinh thái	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường, các đơn vị liên quan	Quý IV/2026	Đề án	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
16	Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp, nông thôn hiện đại, bền vững	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường, các đơn vị liên quan	Quý III/2026	Nghị quyết	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
17	Xây dựng Đề án an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường, các đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Đề án	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
18	Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển kinh tế không gian tầm thấp	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026 - 2027	Kế hoạch	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
19	Triển khai cơ chế tham gia thị trường tín chỉ carbon rừng; cơ chế khai thác du lịch - dịch vụ du lịch dưới tán rừng	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường, các đơn vị liên quan	Quý IV/2026	Kế hoạch	NSNN và nguồn hợp pháp khác	

STT	Nhiệm vụ, giải pháp, dự án trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/ sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
20	Kế hoạch triển khai chiến lược phát triển năng lượng và công nghiệp ngoài khơi	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Công Thương, các cơ quan liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Kế hoạch	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
21	Đề án xây dựng và phát triển mô hình kinh tế ban đêm trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, các địa phương	Quý IV/2026	Đề án	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
IV Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội hiện đại, đồng bộ, liên vùng							
22	Dự án Cao Tốc Phan Thiết - Bảo Lộc - Gia Nghĩa - Bu Prăng (đoạn Phan Thiết - Bảo Lộc)	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Xây dựng, các đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Dự án	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
23	Phối hợp cơ quan có thẩm quyền triển khai cao tốc Gia Nghĩa - Chơn Thành, Nha Trang - Liên Khương, Gia Nghĩa - Buôn Ma Thuột - Pleiku	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Xây dựng, các đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Dự án	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
24	Cao tốc Phan Rang - Liên Khương - Buôn Ma Thuột	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Xây dựng, các đơn vị liên quan	Sau năm 2030	Dự án	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
25	Dự án đường ven biển Quốc gia (đoạn Phan Rí Cửa - Bình Thạnh, đoạn La Gi, xã Tân Hải và phường La Gi, đoạn Tân Thắng - Thắng Hải)	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng số 2, các đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Dự án	NSNN và nguồn hợp pháp khác	

STT	Nhiệm vụ, giải pháp, dự án trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/ sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
26	Hoàn thành bản giao mặt bằng Dự án đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam qua địa bàn tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Xây dựng, các đơn vị liên quan	Quý IV/2028	Dự án	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
27	Phối hợp triển khai tuyến đường sắt kết nối các tỉnh khu vực Tây Nguyên	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Xây dựng, các đơn vị liên quan	Sau năm 2030	Dự án	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
V	Phát triển hệ thống đô thị hiện đại và các cực tăng trưởng của vùng						
28	Lập, điều chỉnh các quy hoạch đô thị, nông thôn trên địa bàn tỉnh.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Xây dựng, UBND các xã, phường, đặc khu	Quý III/2026	Quyết định phê duyệt	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
29	Chương trình phát triển đô thị tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Xây dựng, các sở, ngành, địa phương	Quý IV/2026	Chương trình	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
30	Chương trình phát triển nhà ở	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Xây dựng, các sở, ngành, địa phương	Quý IV/2026	Chương trình	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
VI	Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số						

STT	Nhiệm vụ, giải pháp, dự án trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/ sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
31	Đề án thu hút, đãi ngộ và đào tạo phát triển nguồn nhân lực y tế trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Y tế, các cơ quan liên quan	Quý IV/2026	Đề án	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
32	Đề án đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực du lịch tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, các địa phương	Quý III/2026	Đề án	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
33	Nghị quyết về chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nội vụ, các đơn vị liên quan	Quý IV/2026	Đề án	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
34	Xây dựng Nghị quyết quy định hỗ trợ và mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nội vụ, các đơn vị liên quan	Quý III/2026	Nghị quyết	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
35	Nghị quyết của Tỉnh ủy về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị liên quan	Quý IV/2026	Nghị quyết	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
36	Đề án đào tạo nghề và giải quyết việc làm	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị liên quan	Quý IV/2026	Đề án	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
37	Dự án “Xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu không gian địa lý dùng chung tỉnh Lâm Đồng”; phát triển Cổng dữ liệu mở	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Khoa học và Công nghệ, các	Quý IV/2026	Hệ thống cơ sở dữ liệu	NSNN và nguồn hợp pháp khác	

STT	Nhiệm vụ, giải pháp, dự án trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/ sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
			đơn vị liên quan				
38	Kế hoạch triển khai đồng bộ, hiệu quả chiến lược chuyển đổi trí tuệ nhân tạo quốc gia (AIX)	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan liên quan	Giai đoạn 2026 - 2045	Kế hoạch	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
39	Phối hợp xây dựng hoàn thiện cơ sở dữ liệu, nền tảng số dùng chung phục vụ quản lý, điều hành phát triển vùng	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan liên quan	Giai đoạn 2026 - 2028	Báo cáo	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
VII	Phát triển văn hoá, xã hội và bảo đảm an sinh xã hội toàn diện						
40	Đề án phát triển công nghiệp văn hóa trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quý IV/2026	Đề án	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
41	Tổ chức các lễ hội, sự kiện văn hóa nghệ thuật có thương hiệu, hướng tới uy tín khu vực và quốc tế	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030	Sự kiện, lễ hội thường niên	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
42	Kế hoạch triển khai Đề án phát triển hệ thống an sinh xã hội đa tầng, hiện đại gắn với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Dân tộc và Tôn giáo, các địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030	Kế hoạch	NSNN và nguồn hợp pháp khác	

STT	Nhiệm vụ, giải pháp, dự án trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/ sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
43	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống, bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với du lịch và phát triển kinh tế trong kỷ nguyên mới	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, đơn vị liên quan	Quý III/2026	Đề án	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
44	Đề án bảo tồn và phát huy Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông đến năm 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, đơn vị liên quan	Quý IV/2026	Đề án	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
45	Chính sách hỗ trợ miễn, giảm chi phí cho một số đối tượng chính sách, người nghèo, người yếu thế trong khám, chữa bệnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Y tế, các cơ quan liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Chính sách được ban hành	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
VIII Bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu							
46	Nghị quyết của Tỉnh ủy về tăng cường công tác lãnh đạo bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan liên quan	Quý III/2026	Nghị quyết	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
47	Xây dựng, triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường, các địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030	Kế hoạch	NSNN và nguồn hợp pháp khác	

STT	Nhiệm vụ, giải pháp, dự án trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/ sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
48	Xây dựng Kế hoạch triển khai chiến lược quốc gia về phát triển công nghiệp môi trường	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Kế hoạch	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
49	Triển khai các mô hình khu công nghiệp sinh thái, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải khí nhà kính, tiến tới tham gia thị trường tín chỉ các-bon	Đảng ủy UBND tỉnh	Ban Quản lý các khu công nghiệp	Giai đoạn 2026 - 2030	Mô hình	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
50	Báo cáo chuyên đề về giải pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai, giảm thiểu tổn thất và thiệt hại của biến đổi khí hậu, sẵn sàng ứng phó với thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan liên quan	Quý IV/2026	Báo cáo	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
51	Kế hoạch triển khai đề án Xây dựng hệ thống dữ liệu môi trường, các trung tâm dữ liệu môi trường và biến đổi khí hậu vùng	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan liên quan	Giai đoạn 2026-2028	Kế hoạch	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
IX	Tăng cường quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế						
52	Kế hoạch triển khai Đề án phát triển các khu kinh tế - quốc phòng gắn với các đảo, vùng biển chiến lược, kết hợp phát triển kinh tế biển, đảo với bảo vệ chủ quyền	Đảng ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh, các đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026 - 2027	Kế hoạch	NSNN và nguồn hợp pháp khác	

STT	Nhiệm vụ, giải pháp, dự án trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/ sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
53	Xây dựng danh mục dữ liệu lĩnh vực quốc phòng, an ninh cần ưu tiên bảo vệ; hạ tầng dữ liệu, hệ thống chỉ huy - điều hành số phục vụ khu vực phòng thủ tỉnh	Đảng ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh	Đảng ủy Các cơ quan, địa phương liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Hạ tầng dữ liệu, hệ thống chỉ huy - điều hành	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
54	Triển khai hạ tầng dữ liệu quốc phòng, hệ thống chỉ huy, điều hành số	Đảng ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh, các đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Hạ tầng dữ liệu	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
55	Kế hoạch triển khai hiệu quả Chiến lược an ninh quốc gia trong kỷ nguyên mới	Đảng ủy Công an tỉnh	Đảng ủy Các cơ quan, địa phương liên quan	Giai đoạn 2026 - 2045	Kế hoạch	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
56	Triển khai các nền tảng số dùng chung phục vụ quản lý, điều hành, giám sát và dự báo an ninh	Đảng ủy Công an tỉnh	Đảng ủy Các cơ quan, địa phương liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Dự án	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
57	Tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư; liên kết tổ chức sự kiện xúc tiến đầu tư theo vùng và tại các thành phố lớn trong và ngoài nước (kết hợp với hoạt động xúc tiến thương mại, du lịch, quảng bá văn hóa)	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch, các sở, ngành liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Hội nghị, sự kiện	NSNN và nguồn hợp pháp khác	

STT	Nhiệm vụ, giải pháp, dự án trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/ sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
58	Triển khai hiệu quả Chương trình số 43-CTr/TU, ngày 24/8/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 19/5/2026 của Bộ Chính trị về triển khai đường lối đối ngoại Đại hội XIV của Đảng.	Đảng ủy UBND tỉnh	Chi ủy Sở Ngoại vụ, các sở, ngành liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Kế hoạch	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
X	Xây dựng chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị						
59	Triển khai các hoạt động giám sát việc thực hiện Nghị quyết, đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm	Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy	Đảng ủy các cơ quan liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Chương trình, kế hoạch	NSNN và nguồn hợp pháp khác	

Ghi chú: Danh mục trên là khung nhiệm vụ, giải pháp, dự án trọng tâm ban đầu; các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao chủ trì có trách nhiệm cụ thể hóa thêm tên đề án/dự án, sản phẩm đầu ra, tiến độ chi tiết và đề xuất bổ sung nhiệm vụ phù hợp thực tiễn, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cập nhật trong quá trình tổ chức thực hiện.